

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 15/01/2020

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ: Số M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trung H; địa chỉ: Số N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Theo Quyết định số 50 ngày 30/5/2019 của Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lai). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh H (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị T (vắng mặt); địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh Gia Lai có cho ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T vay tiền theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N0138/118 ngày 01/02/2018 và Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay như sau: Số tiền vay là 300.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn đầu tư nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 03/02/2018 đến ngày 02/02/2019; lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H và bà T chỉ trả lãi trong hạn đến ngày 03/8/2018, do ông H và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên đến ngày 04/02/2019 Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông H và bà T có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0144/TC18 ngày 01/02/2018, tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 36 tại xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710703 do

Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/3/2012. Do ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T pH trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 15/01/2020 gồm nợ lãi trong hạn là 17.783.334 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.838.356 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến ngày ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T trả hết nợ cho Ngân hàng A theo lãi suất quá hạn. Trường hợp ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Bị đơn Lê Thanh H trình bày: Vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T có vay tiền của Ngân hàng A thông qua Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N0138/118 ngày 01/02/2018 và Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay như sau: Số tiền vay là 300.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn đầu tư nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 03/02/2018 đến ngày 02/02/2019; lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H và bà T chỉ mới trả lãi trong hạn đến ngày 03/8/2018. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông H và bà T có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0144/TC18 ngày 01/02/2018, tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 36 tại xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710703 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/3/2012. Ông H và bà T đồng ý trả nợ và xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng gia hạn trả nợ trong thời hạn 03 tháng.

3. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Nguyễn Thị T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà T cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà T.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Quyết định số 57 ngày 30/5/2019; Quyết định số 165 ngày 01/11/2017; Quyết định số 122 ngày 27/4/2016; Quyết định số 2045 ngày 11/11/2016; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12/5/2015; Hoạt động khế ước cho vay tín dụng ngày 02/6/2019; Bảng tính lãi khách hàng vay ngày 30/5/2019; Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 02/02/2018; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 01/02/2018; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 01/02/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 01/02/2018; Chứng minh nhân dân ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T; sổ hộ khẩu Lê Thanh H; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710703 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/3/2012; Điều lệ Ngân hàng A; Bản tự khai của Ngân hàng; Hoạt động khế ước cho vay tín dụng ngày 11/11/2019; Bản tự khai của ông Lê Thanh H; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2019; Bảng tính lãi khách hàng vay ngày 15/01/2020.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ

các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên pH chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N0138/118 ngày 01/02/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Bị đơn Lê Thanh H đề nghị gia hạn việc trả nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bị đơn ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ đến ngày 15/01/2020 là 363.621.690 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.783.334 đồng, nợ lãi quá hạn là 45.838.356 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0144/TC18 ngày 01/02/2018, tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 36 tại xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710703 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/3/2012. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2019 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Lê Thanh

H và bà Nguyễn Thị T phải hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.700.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

2. Buộc ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/01/2020 là 363.621.690 đồng (Ba trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi một nghìn sáu trăm chín mươi đồng), trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 17.783.334 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 45.838.356 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T trả hết nợ.

3. Trong trường hợp ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 36 tại xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710703 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/3/2012 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0144/TC18 ngày 01/02/2018 được ký kết giữa Ngân hàng A với ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

6. Về án phí: ông Lê Thanh H và bà Nguyễn Thị T **phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.181.085 đồng (Mười tám triệu một trăm tám mươi một nghìn không trăm tám mươi lăm đồng)**. Ngân hàng A không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.310.748 đồng (Tám triệu ba

trăm mười nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005722 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính